

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HOÁ
Số: 06/2024/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghi Sơn, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 05 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành ngày 30/7/2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân Miền B.

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Tất Đ và bà Lê Thị H - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên lạc: Tầng C, Trung tâm thương mại P, số B Đại lộ L, phường L, TP T.

- Tổ chức kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty cổ phần M2. Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Duy T1 - Trưởng phòng Xử lý nợ Miền B.

Người được uỷ quyền lại: Bà Tống Thị L - Chuyên viên xử lý nợ

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1968

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1969

Nơi cư trú: TDP Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền của ông T2 và bà H1 là: anh Lê Tiến M, sinh năm 1987
Nơi cư trú: Tiểu khu F, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự thể hiện như sau:

2.1. Về hợp đồng tín dụng: Ông Nguyễn Xuân T2 và vợ là bà Lê Thị H1 vay vốn tại ngân hàng V2, cụ thể có ký kết các hợp đồng sau:

Thứ nhất: Hợp đồng cho vay số LN2010072865032 ngày 12/10/2020. Số tiền vay: 1.830.000.000 đồng (Bằng chữ: Một Tỷ, T Ba Mươi T). Mục đích vay: Bổ sung vốn mở rộng, phát triển kinh doanh sơn và các sản phẩm theo sơn các loại. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.49%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kì 01 tháng/ 01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/11/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.6%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn); Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ xấu quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thười gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Thứ hai: Hợp đồng cho vay số LD2121101025 ngày 30/07/2021 Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn) Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 24%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thứ ba: Hợp đồng cho vay số LD2121501579 ngày 03/08/2021 Số tiền cho vay: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; Mục đích sử dụng vốn: Vay phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thứ tư: Khoản vay thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/10/2020 Hạn mức đề nghị: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn./.). Loại thẻ: MC2 Credit. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V2 quy định qua từng thời kỳ.

2.2. Về chuyển giao nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TMCP V (V2) và Công ty Cổ phần M2 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 04/2024/VPB-MARS ngày 30/5/2024 và Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS ngày 30/5/2024 và Phụ lục đính kèm. Theo đó, Ngân hàng TMCP V đồng ý bán và M1 đồng ý mua một phần khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Xuân T2 và bà Lê Thị H1 bao gồm 90% các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay và toàn bộ khoản nợ thẻ mà ông Nguyễn Xuân T2 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V.

2.3. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 30/07/2024 ông T2 và bà H1 còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M2 tổng số tiền là 2,735,773,044 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ công ty M2 số tiền 2.472.427.256đ (Trong đó nợ gốc là 1,759,529,640 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 712,897,616 đồng).

- Nợ ngân hàng TMCP V số tiền 263,345,788 đồng (Trong đó nợ gốc là 189,960,173 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 73,385,615 đồng).

2.4. Về tài sản bảo đảm cho các khoản vay: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: B2-01; Mặt bằng quy hoạch khu TĐC xã H (GDD1); tại địa chỉ: Thôn Đ, Xã H, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa (nay là Đ, Phường H, Thị Xã N, Tỉnh Thanh Hóa) theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CR 639212, Số vào sổ cấp GCN: CH01350.QĐ/3446 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/06/2019.

2.5. Về phương án trả nợ: Các đương sự thỏa thuận thống nhất:

Ông T2 và bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M2 số tiền 2.472.427.256đ (Trong đó nợ gốc là 1,759,529,640 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 712,897,616 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng chậm nhất là vào ngày 30/9/2024.

Ông T2 và bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền 263,345,788 đồng (Trong đó nợ gốc là 189,960,173 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả là 73,385,615 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng chậm nhất là vào ngày 30/9/2024.

Ông T2 và bà H1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán hết số nợ. Nếu ông T2 và bà H1 vi phạm kỳ hạn trả nợ như đã cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2.6. Về án phí:

Các đương sự thỏa thuận: Ông Nguyễn Xuân T2 và bà Lê Thị H1 chịu án phí Dân sự sơ thẩm là số tiền là 43.357.700đ (bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm đồng); Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M2 không phải chịu án phí.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 40.875.300đ (bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu số 0007139 ngày 12/4/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Cơ quan THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền